

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HUNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.

Bản án số: 50/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18/11/2020

“V/v: Hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HUNG YÊN

I. Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

1. Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Huân.

2. Các Hội thẩm nhân dân:

2.1. Ông Trần Xuân Hòa;

2.2. Ông Nguyễn Đức Tuân.

II. Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Long – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

II. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên: Bà Lê Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 18/11/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 199/2020/TLST – HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2020 về việc “Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 51/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 30/10/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị A, sinh năm 1986, có mặt.

Trú tại: Thôn V, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1984, có mặt.

Trú tại: Thôn T, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Cháu Nguyễn Văn C, sinh ngày 27/8/2010, vắng mặt;

3.2. Cháu Nguyễn Hoàng E, sinh ngày 05/3/2017, *vắng mặt*;

Người giám hộ cho cháu C và cháu E là chị Hoàng Thị A và anh Nguyễn Văn B (bố, mẹ đẻ của các cháu).

4. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự (cháu Nguyễn Văn C và cháu Nguyễn Hoàng E) là: Ông Đào Văn H - Luật sư - Trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hưng Yên, *có mặt*.

5. Người làm chứng:

5.1. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1986, *có mặt*.

Trú tại: Thôn Q, xã A, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

5.2. Bà Vũ Thị P, sinh năm 1959, *vắng mặt*.

Trú tại: Thôn T, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24-8-2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Hoàng Thị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1984 người ở thôn H, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hưng Yên kết hôn với nhau vào năm 2009. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, hai bên có tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại trụ sở UBND thị trấn Khoái Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/3/2009. Sau khi kết hôn chị chuyển về nhà chồng chung sống và chuyển đăng ký hộ khẩu thường trú về thị trấn K, đến năm 2017 chị chuyển đăng ký hộ khẩu về xã Hồng Tiến cho đến nay. Trong suốt thời gian hai bên chung sống không có sự hòa hợp, xảy ra nhiều bất đồng, mâu thuẫn trong thời gian dài từ khoảng năm 2016 - 2017 đến nay, mặc dù đã được gia đình người thân động viên nhiều nhưng vẫn không thể cải thiện được mối quan hệ, cũng kể từ đó mỗi người tự lo cuộc sống riêng, không còn mối quan hệ tình cảm vợ chồng, chỉ còn liên quan đến con cái, khoảng 01 tháng trở lại đây hai bên không còn sống chung cùng nhau nữa. Đến nay sau khi suy xét kỹ lưỡng, hai bên đã ngồi lại nói chuyện nhưng xác định không thể hàn gắn, nín kéo thêm nên chị quyết định làm đơn xin giải quyết dứt điểm việc ly hôn với anh B.

Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên đã thụ lý giải quyết vụ án và thông báo cho các bên đương sự đến giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về các nội dung liên quan. Quan điểm của anh B cho biết: Về quan hệ hôn nhân cũng thống nhất như chị A đã trình bày. Đồng thời anh cũng cho biết cuộc sống hôn nhân của vợ chồng anh trong thời gian chung sống không có sự hòa hợp, xảy ra nhiều bất đồng, mâu thuẫn về quan điểm sống, mâu thuẫn giữa hai bên diễn ra từ khoảng năm 2016 – 2017

đến nay, khi mâu thuẫn gia đình hai bên cũng đã khuyên bảo, động viên nhưng vẫn không thể cải thiện được mối quan hệ. Đến nay hai bên đã ngồi lại nói chuyện nhưng đều xác định không thể hàn gắn, nín kéo thêm. Nay chị A làm đơn xin giải quyết dứt điểm việc ly hôn với anh, quan điểm của anh cũng xác định không thể hàn gắn nên anh nhất trí ly hôn với chị A.

Về con chung: Chị A và anh B đều khẳng định vợ chồng có 02 con chung, cháu lớn tên là Nguyễn Văn C, sinh ngày 27/8/2010 và cháu thứ hai là Nguyễn Hoàng E, sinh ngày 05/3/2017. Ngoài ra hai bên không nhận con nuôi và không có con riêng nào khác. Quan điểm của chị A xác định: Bản thân công việc của anh B thường xuyên vắng nhà (anh B làm nghề lái xe du lịch) nên ít có điều kiện chăm sóc con, từ trước đến nay cả hai con đều do một mình chị quán xuyến, chăm sóc cũng như lo chuyện học hành, chu cấp ăn học. Bản thân chị hiện nay công việc ổn định (chị làm quản lý cơ sở giáo giục) nên có đủ điều kiện cả về vật chất, cũng như thời gian. Hiện cả cháu C và cháu E cũng đang học hành ổn định tại xã H gần cận nơi chị sinh sống, làm việc. Do đó xác định để tốt nhất cho sự phát triển của cả hai con, tránh chia rẽ tình cảm giữa hai cháu nên nếu ly hôn chị nhận trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả cháu C và cháu E cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu anh B phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung đối với hai cháu nên không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết. Quan điểm của anh B xác định: Việc nuôi con là trách nhiệm của cả hai bên nên nếu ly hôn mỗi bên có trách nhiệm nuôi một cháu và anh nhận nuôi cháu lớn (cháu C), còn để chị A nuôi cháu nhỏ (cháu E) cho đến khi hai cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Anh xác định ai nuôi cháu nào thì có trách nhiệm với cháu đó, không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết. Nguyên vọng của Huy xác định nếu bố mẹ cháu ly hôn (không chung sống cùng nhau nữa) thì cháu xin được ở với mẹ (chị A). Ngoài ra cháu xác định không có ý kiến nào khác nên có đơn đề nghị xin được giải quyết, xét xử vắng mặt.

Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình: Chị A và anh B đều không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

Tại các tài liệu các bên đương sự cung cấp, cũng như nội dung xác minh của Tòa án tại chính quyền địa phương thị trấn Khoái Châu, cùng lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và lời khai của những người làm chứng cho thấy: Thống nhất như lời khai của chị A và anh B.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị A và anh B vẫn giữ nguyên quan điểm, yêu cầu như đã trình bày trước đây.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự (cháu Nguyễn Văn C và cháu Nguyễn Hoàng E) là ông Đào Văn H - Luật sư - Trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hưng Yên: Để đảm bảo quyền lợi, cho sự phát triển tốt nhất của hai cháu đề nghị Hội đồng xét xử giao cả cháu C và cháu E cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi hai cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1. Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

2. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 229 - BLTTDS năm 2015; Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về quan hệ hôn nhân: Cần xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị A và anh Nguyễn Văn B.

- Về con chung: Cần xử giao cả hai cháu Nguyễn Văn C, sinh ngày 27/8/2010 và cháu Nguyễn Hoàng E, sinh ngày 05/3/2017 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ ngày 18/11/2020 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu đặt ra giải quyết. Sau khi ly hôn anh B có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của chị A và anh B đối với hai bên gia đình: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Áp dụng Điều 147 BLTTDS năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTWQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện xin giải quyết ly hôn và giải quyết về con chung do vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của BLTTDS 2015 xác định đây là vụ án về hôn nhân và gia đình trong đó tranh chấp về ly hôn, nuôi con. Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hưng Yên nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015 thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

[2] Về thành phần người tham gia tố tụng: Thành phần người tham gia tố tụng (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng) vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn, cũng như quan điểm đề nghị xin giải quyết, xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 229 của BLTTDS 2015 vụ án được đưa ra xét xử đảm bảo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Qua tài liệu các bên cung cấp, Tòa án thu thập xác minh cho thấy việc chị Hoàng Thị A và anh Nguyễn Văn B kết hôn với nhau là tự nguyện, tự do tìm hiểu và có tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND thị trấn Khoái Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/3/2009 (theo số: 12, quyển số: 01/2009). Do vậy quan hệ hôn nhân của chị A và anh B là hợp pháp, đã được pháp luật công nhận. Trong thời gian hai bên chung sống xảy ra nhiều bất đồng về mọi vấn đề trong cuộc sống và diễn ra trong thời gian dài. Mặc dù gia đình cũng khuyên bảo nhiều nhưng không cải thiện được mối quan hệ. Đến nay cả hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, níu kéo thêm nên đều nhất trí xin được ly hôn nhau. Do đó, cần xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị A và anh Nguyễn Văn B.

[3.2] Về con chung: Chị A và anh B đều khẳng định vợ chồng có 02 con chung, cháu lớn tên là Nguyễn Văn C, sinh ngày 27/8/2010 và cháu thứ hai là Nguyễn Hoàng E, sinh ngày 05/3/2017.

- Về nuôi con chung: Quan điểm của chị A xác định nếu ly hôn chị nhận trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu C và cháu E cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Quan điểm của anh B xác định nếu vợ chồng ly hôn mỗi bên có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc một cháu và anh nhận nuôi cháu C, còn để chị A nuôi dưỡng cháu E cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Nguyên vọng của cháu C xác định nếu bố mẹ cháu ly hôn (không chung sống cùng nhau nữa) thì cháu xin được ở với chị A. Xét nguyện vọng của các bên đều là chính đáng, tuy nhiên xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế do hiện cả hai cháu đang sống, học hành ổn định tại xã H. Hiện cả hai cháu còn nhỏ, cần tránh sự chia rẽ tình cảm giữa các cháu, bản thân cháu C thừa nhận mẹ cháu quan tâm, chăm sóc cháu hơn nên nguyện vọng của cháu mong muốn được ở với mẹ, điều kiện hiện tại của chị A đủ điều kiện cả về mặt thời gian, vật chất để nuôi dưỡng, chăm sóc cho cả hai cháu ăn học, phát triển đầy đủ. Trong khi đó điều kiện công việc của anh B ít cho thời

gian chăm sóc cho con cái hơn. Vì vậy cần xử giao cả cháu cháu C và Linh cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ ngày 18/11/2020 cho đến khi hai cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị A không yêu cầu anh B phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

- Sau khi ly hôn anh B có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở theo quy định của các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình: Chị A và anh B đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau nếu có tranh chấp, yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác.

[4] Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Điều luật áp dụng: Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 229 - BLTTDS năm 2015; Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về hôn nhân: Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị A và anh Nguyễn Văn B..

3. Về nuôi con chung: Xử giao cả hai cháu Nguyễn Văn C, sinh ngày 27/8/2010 và cháu Nguyễn Hoàng E, sinh ngày 05/3/2017 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ ngày 18/11/2020 cho đến khi hai cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn anh B có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình: Không đặt ra giải quyết. Sau nếu có tranh chấp, yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác.

5. Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị A đã nộp theo Biên lai thu số 0002346 ngày 25/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Khoái Châu.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn, đồng thời là người đại diện cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có mặt tại phiên tòa) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 18/11/2020.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Khoái Châu;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Khoái Châu;
- Chi cục THADS huyện KC;
- Lưu: Hồ sơ, Vp.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Huấn